TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BÁ THƯỚC** **TỈNH THANH HOÁ**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 141/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 03-09-2020
V/v: "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÁ THƯỚC TỈNH THANH HOÁ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Phạm Văn Hùng
Các Hội thẩm nhân dân:
Bà Nguyễn Thị Anh
Bà Lê Thị Hiền
- *Thư ký phiên toà*: Bà Cao Thị Nhung – Thư ký Toà án nhân dân huyện Bá Thước, tỉnh Thanh Hoá.
- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bá Thước tham gia phiên tòa*: Ông Nguyễn Văn Tú - Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 09 năm 2020, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Bá Thước, tỉnh Thanh Hoá xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 130/2020/TLST- HNGĐ ngày 15 tháng 07 năm 2020 về: *"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 38/2020/QĐXXST- HNGĐ ngày 17 tháng 08 năm 2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Hà Văn T; Sinh năm: 1985
Hộ khẩu thường trú: Thôn Hồ Quang, xã Điền Quang, huyện Bá Thước, tỉnh Thanh Hóa. Vắng mặt. (Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt ngày 18/08/2020).

Bị đơn: Chị Bùi Thị T; Sinh năm: 1991
Hộ khẩu thường trú: Thôn Hồ Quang, xã Điền Quang, huyện Bá Thước, tỉnh Thanh Hóa. Vắng mặt. (Có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt ngày 25/07/2020).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và bản tự khai ngày 17/07/2020 anh Hà Văn T trình bày: Anh với chị Bùi Thị T đến với nhau tự nguyện, đăng ký kết hôn năm 2011 tại UBND xã Điền Quang, huyện Bá Thước, tỉnh Thanh Hóa. Sau khi kết hôn sống hạnh phúc được 03 năm. Do kinh tế gia đình khó khăn nên vợ anh đi làm ăn xa, tình cảm vợ chồng ngày càng rạn nứt hay cãi vã nhau và mâu thuẫn về kinh tế, vợ anh không còn quan tâm đến anh và các con. Hiện tại vợ chồng anh chính thức ly thân từ năm 2016 cho đến nay. Hiện nay, anh không còn tình cảm với chị T nên xin được ly hôn với chị T.

Về con chung: Anh và chị T có 02 con chung là cháu Hà Hải Yến, sinh ngày 03/4/2012 và cháu Hà Quốc Bảo, sinh ngày 03/11/2013. Hiện nay các cháu đang ở với anh và anh có nguyện vọng muốn trực tiếp nuôi cả 2 con, yêu cầu chị T cấp

dưỡng nuôi con cho mỗi cháu 1.000.000đ/tháng (tổng 2 cháu là 2.000.000 đồng) cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi.

Về tài sản: Anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 25/07/2020 chị Bùi Thị T trình bày: Chị với anh Hà Văn T đến với nhau tự nguyện, đăng ký kết hôn năm 2011 tại UBND xã Điền Quang, huyện Bá Thước, tỉnh Thanh Hóa. Sau khi kết hôn sống hạnh phúc được 03 năm. Do kinh tế gia đình khó khăn nên chị đi làm ăn xa, tình cảm vợ chồng ngày càng phai nhạt. Vợ chồng không có sự quan tâm gần gũi với nhau nữa. Hiện tại vợ chồng chị chính thức ly thân từ năm 2016 cho đến nay. Nay anh T làm đơn xin ly hôn chị. Chị không phải là người chủ động làm đơn ly hôn anh T. Tuy không mong muốn nhưng nếu anh T kiên quyết ly hôn chị, chị cũng nhất trí ly hôn anh T.

Về con chung: Chị và anh T có 02 con chung là cháu Hà Hải Yến, sinh ngày 03/4/2012 và cháu Hà Quốc Bảo, sinh ngày 03/11/2013. Hiện nay các cháu đang ở với anh T. Do điều kiện kinh tế khó khăn, chị phải đi làm xa nên chị có nguyện vọng giao cả 2 con cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng. Chị không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Vì hiện tại chị đang phải khắc phục khó khăn trước mắt. Khi điều kiện kinh tế ổn định hơn chị sẽ tự nguyện cấp dưỡng cho các con.

Về tài sản: Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ cho các bên đương sự nhưng chị T không có mặt nên Tòa án đã thông báo kết quả kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ cho chị T. Anh T đề nghị không tiến hành hoà giải nên Toà án không tiến hành hoà giải. Đây là trường hợp không tiến hành hoà giải được theo quy định tại khoản 4 điều 207 Bộ luật tố tụng dân sự (sau đây viết tắt là BLTTDS). Do công việc, anh T và chị T không thể có mặt để tham gia phiên tòa được nên anh T và chị T đã có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt nên căn cứ khoản 1 điều 228 BLTTDS Tòa án xét xử vắng mặt anh T và chị T.

Ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa: Tòa án đã tuân thủ đúng quy định về trình tự thủ tục của Bộ luật tố tụng dân sự. Đề nghị HĐXX áp dụng điều 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, xử cho anh T được ly hôn chị T. Về con cái giao cả 02 cháu Hà Hải Yến, sinh ngày 03/4/2012 và cháu Hà Quốc Bảo, sinh ngày 03/11/2013 cho anh T được trực tiếp nuôi dưỡng, chị T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung hàng tháng cho mỗi cháu 1.000.000đ/tháng (tổng 2 cháu là 2.000.000 đồng) cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi. Về tài sản các đương sự không yêu cầu giải quyết nên miễn xét. Về án phí: miễn tiền án phí dân sự sơ thẩm cho các đương sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về hôn nhân: Anh Hà Văn T và chị Bùi Thị T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn năm 2011 tại UBND xã Điền Quang, huyện Bá Thước, tỉnh Thanh Hóa và không vi phạm các điều 9, 10 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000, là hôn nhân hợp pháp và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo khoản

1 điều 28 BLTTDS. Trong cuộc sống hôn nhân, vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân là do kinh tế gia đình khó khăn, chị T phải đi làm ăn xa, tình cảm vợ chồng ngày càng xa cách, thiếu sự quan tâm chia sẻ gần gũi với nhau. Vợ chồng không thể khắc phục được nên mâu thuẫn ngày càng trầm trọng. Vì vậy, vợ chồng đã sống ly thân nhau từ năm 2016 đến nay, không ai quan tâm tới ai, mạnh ai người đó sống. Việc này đã được mẹ đẻ của chị T là bà Quách Thị Mai xác nhận, phù hợp với nội dung xác minh tình trạng hôn nhân của Tòa án. Cả anh T và chị T đều có nguyện vọng ly hôn. Hội đồng xét xử xét thấy, mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt đ□ợc. Vì vậy, cần căn cứ điều 56 Luật hôn nhân và gia đình xử cho anh Hà Văn T và chị Bùi Thị T được ly hôn để giải phóng cho nhau là cần thiết và phù hợp pháp luật.

[2] Về con cái: Anh T và chị T có 02 con chung là cháu Hà Hải Yến, sinh ngày 03/4/2012 và cháu Hà Quốc Bảo, sinh ngày 03/11/2013. Chị T có nguyện vọng được giao cả 02 cháu cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và chị không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Anh T có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cả 02 cháu, yêu cầu chị Tuyết cấp dưỡng nuôi con chung hàng tháng cho mỗi cháu 1.000.000đ/tháng (tổng 2 cháu là 2.000.000 đồng) cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi. Cháu Hà Hải Yến có nguyện vọng muốn ở với anh T. Xét thấy, từ trước đến nay cả 02 cháu do anh T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục và anh T hoàn toàn có thể đảm bảo mọi mặt để 02 cháu phát triển tốt. Để đảm bảo khả năng phát triển bình thường và điều kiện học hành ổn định cho con trẻ, tránh sự xáo trộn trong cuộc sống và sinh hoạt hàng ngày của các cháu. Nghĩ nên chấp nhận yêu cầu của anh T, tiếp tục giao cả 02 con cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi thành niên, chị T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung hàng tháng cho mỗi cháu là 1.000.000đ/tháng (tổng 2 cháu là 2.000.000 đồng) cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi là phù hợp với điều kiện hoàn cảnh thực tế, nguyện vọng của cháu Hải Yến và các quy định của pháp luật.

[3] Về tài sản: Anh T và chị T không yêu cầu giải quyết nên miễn xét.

[4] Về án phí: Do anh Hà Văn T và chị Bùi Thị T là người đồng bào dân tộc thiểu số (dân tộc Mường), sống ở xã có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn và đã có đơn đề nghị miễn tiền án phí. Vì vậy cần căn cứ vào điểm đ khoản 1 điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về án phí, lệ phí Tòa án miễn nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm cho anh Hà Văn T và chị Bùi Thị T.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 điều 56, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; Khoản 1 điều 28, khoản 4 điều 207, khoản 1 điều 227, điều 228, điều 238 và khoản 2 điều 482 Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm đ khoản 1 điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu án phí và lệ phí Toà án.

Về hôn nhân: Xử cho anh Hà Văn T được ly hôn chị Bùi Thị T.

Về con cái: Giao 02 cháu Hà Hải Yến, sinh ngày 03/4/2012 và cháu Hà Quốc Bảo, sinh ngày 03/11/2013 cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến tuổi thành niên. Chị T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung hàng tháng

cho mỗi cháu 1.000.000 đ/tháng (tổng 2 cháu là 2.000.000 đồng). Thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 09/2020 cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi.

Khoản tiền cấp dưỡng nuôi con được thi hành ngay, mặc dù bản án có thể bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Chị T có quyền đi lại trông nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được cản trở.

Kể từ khi anh T có đơn yêu cầu thi hành án phần cấp dưỡng nuôi con, nếu chưa thi hành án, hàng tháng chị T còn phải chịu thêm khoản tiền lãi theo quy định tại điều 357 và khoản 2 điều 468 Bộ luật Dân sự trên số tiền phải thi hành án, tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

Về án phí: Miễn nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm cho anh Hà Văn T và chị Bùi Thị T.

Trường hợp bản án được thi hành theo điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm, vắng mặt anh Hà Văn T và chị Bùi Thị T. Anh T và chị T có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án.

Nơi nhận:
- VKSND huyện Bá Thước;
- Các đương sự;
- UBND xã Điền Quang
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Văn Hùng

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Hội thẩm nhân dân **Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà**

Nguyễn Thị Anh **Lê Thị Hiền** **Phạm Văn Hùng**